TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 05/08/2026
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Hào;

Ông Trần Xuân Huệ.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Lan - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Nghệ An*:** Ông Vi Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 08 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2026 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2026/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2026/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm: 1999;

Số CCCD: 040199017584, do Bộ C cấp ngày 11/12/2024;

Địa chỉ: Xóm Đồng Tâm B, xã N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1995;

Số CCCD: 040095039347, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 09/02/2023;

Địa chỉ: Xóm Đồng Tâm B, xã N, tỉnh Nghệ An; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn đề ngày 23 tháng 02 năm 2026, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn P đăng ký kết hôn vào ngày 26/07/2019 tại UBND xã N, huyện N (nay là xã N), tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện tại anh P đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2024 cho đến nay, vợ chồng chỉ thỉnh thoảng liên lạc với nhau qua mạng xã hội, chị T không biết địa chỉ liên lạc của anh P, vợ chồng không còn tình cảm nên chị có nguyện vọng được Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không nuôi con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/7/2026 anh Hoàng Văn P trình bày:

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị T xin ly hôn anh do bố, mẹ anh chụp lại gửi qua cho anh vì anh đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, nay anh P đã về nước, lên Tòa làm việc và có ý kiến như sau:

Về tình cảm: Anh P và chị T đã sống ly thân được bốn năm, anh P vẫn còn thương yêu chị T, nhưng do vợ chồng sống xa nhau đã lâu, nên anh đồng ý ly hôn với chị T, nhưng anh không thuận tình ly hôn vì anh là người Công Giáo nên đề nghị Tòa án xem xét theo quy định cho chị T được quyền ly hôn đơn phương.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không nuôi con nuôi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 30/7/2026 anh lại tiếp tục sang Đài Loan làm việc nên không thể có mặt tham gia phiên tòa theo thông báo của Tòa án, nên anh Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào công văn xuất nhập cảnh số 1969/QLXNC-Đ1 ngày 29/04/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N thể hiện: Bị đơn, anh Hoàng Văn P đã xuất cảnh ngày 08/05/2024, hiện tại chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam.

Tại Công văn số 509/CV-TA ngày 13/05/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An (khi anh P chưa về nước) gửi ông Hoàng Văn T1, bà Nguyễn Thị H (bố, mẹ anh P) yêu cầu ông T1, bà H cung cấp địa chỉ của anh P ở đài L, nhưng ông T1, bà H không cung cấp.

Tại biên bản xác minh ngày 20/5/2026 tại xóm Đ, xã N, tỉnh Nghệ An (khi anh P chưa về nước), Ban cán sự xóm Đồng Tâm B, xã N, tỉnh Nghệ An đã cung cấp thông tin về bị đơn như sau: Anh P có đăng ký thường trú tại xóm Đ, xã N, tỉnh Nghệ An, hiện không có mặt tại địa phương, đang đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, bố, mẹ anh P theo đạo Thiên Chúa G; quy định bên đạo Thiên Chúa G là không được ly hôn nên bố, mẹ anh P sẽ không hợp tác khi Tòa làm việc giải quyết ly hôn giữa chị T và anh P.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ đã đầy đủ, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 122, 123 và Điều 127 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 479 - Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Không có chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về tranh chấp "Ly hôn". Nguyên đơn hiện cư trú tại xã N, tỉnh Nghệ. Căn cứ vào công văn xuất nhập cảnh số 1969/QLXNC-Đ1 ngày 29/04/2026 của Phòng Q Công an tỉnh N thể hiện: Bị đơn, anh Hoàng Văn P hiện đang sinh sống ở nước ngoài. Trước khi xuất cảnh, anh P có địa chỉ cư trú tại xóm Đ, xã N, tỉnh Nghệ An. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Nghệ An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 40 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 122, Điều 123 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày

27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Văn P là hôn nhân hợp pháp, không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Căn cứ vào lời khai của các đương sự nhận thấy: Giữa chị T và anh P đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay, cắt đứt mọi quan hệ, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh P không còn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, có đủ căn cứ cho chị T được ly hôn anh P theo quy định tại Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị T, anh P không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự có quyền khởi kiện khi có yêu cầu.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 122, 123 và Điều 127 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 40, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T .

1.*Về quan hệ hôn nhân*:

Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn P.

2. *Về con chung*: Không có con chung

3. *Về chia tài sản*: Chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ

(Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo biên lai thu tiền số 0002424 ngày 08 tháng 04 năm 2026. Chị T đã nộp đủ.

4. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn anh Hoàng Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 8 – Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Khánh, tỉnh Nghệ An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu HSVA,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngoan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Nghệ An;
- THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Thuận Trung, tỉnh Nghệ An;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thanh